CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Du lịch Vietravel

Ngày 31/12/2025	13,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.3%	**-**	**-8.1%**

DT thuần
Q4/25
1,769
tỷ VNĐ
QoQ: ▼345| -16.3%
YoY: ▲ 285| 19.2%

LN thuần
Q4/25
-23.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼30.3| -451%
YoY: ▼32.1| -377%

LN sau thuế
Q4/25
-10.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.7| -345%
YoY: ▼25.9| -167%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
1.2%
YoY: +/-▼ 0.6%

ROE
2025
0.2%
YoY: +/-▼ 7.8%

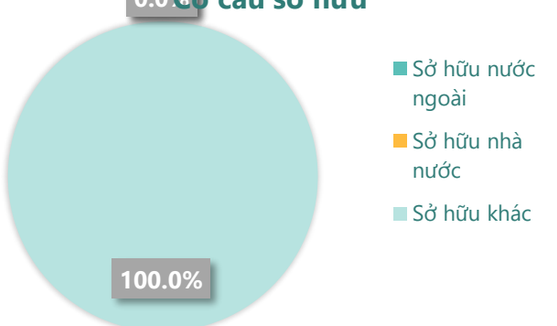
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	12,552 - 16,207
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	857
Số lượng CPLH (CP)	65,913,567
KLGD BQ 20 phiên (CP)	37,960
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.81
EPS	19
P/E	671.2

DT thuần
2025
7,207
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 472| 7.0%

LN thuần
2025
-15.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼42.7| -159%

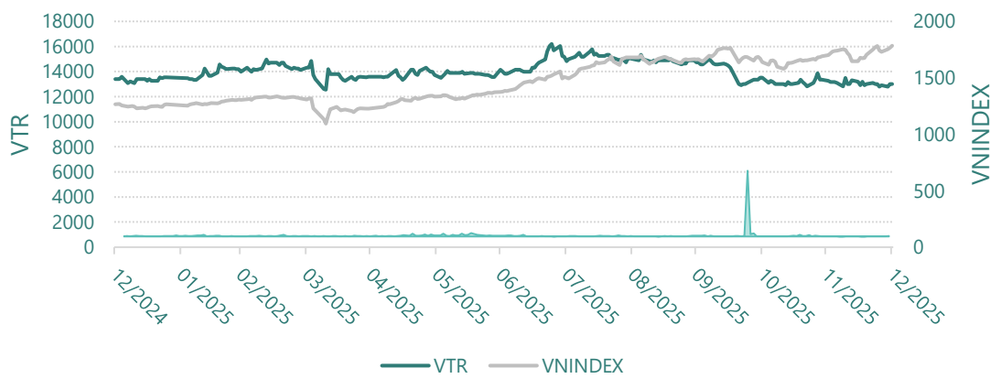
LN sau thuế
2025
0.62
tỷ VNĐ
YoY: ▼34.7| -98.2%

Cơ cấu sở hữu

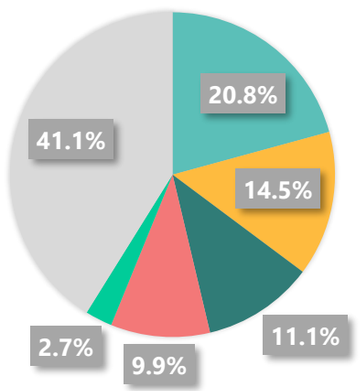


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



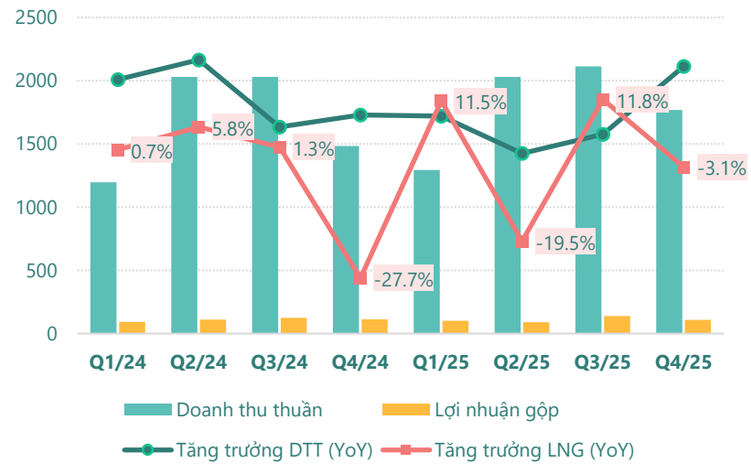
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

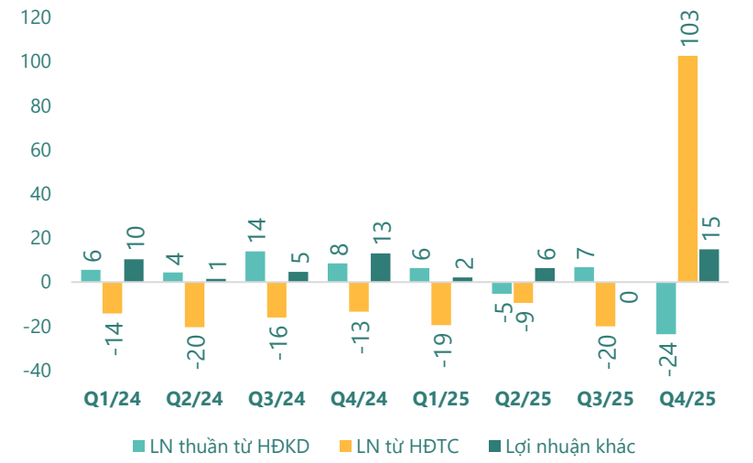
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



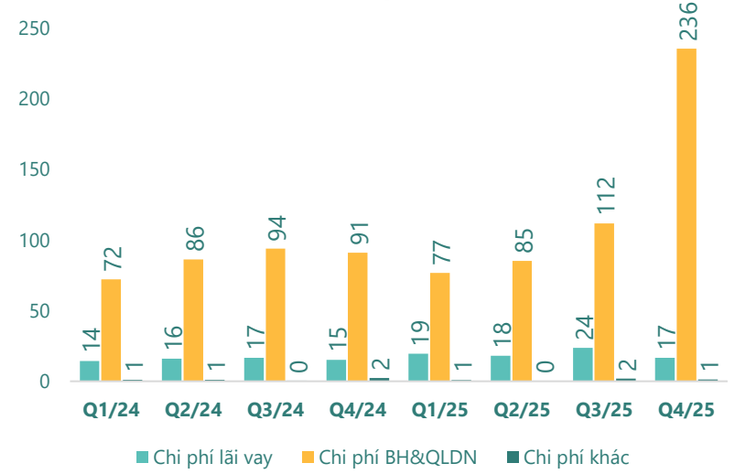
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



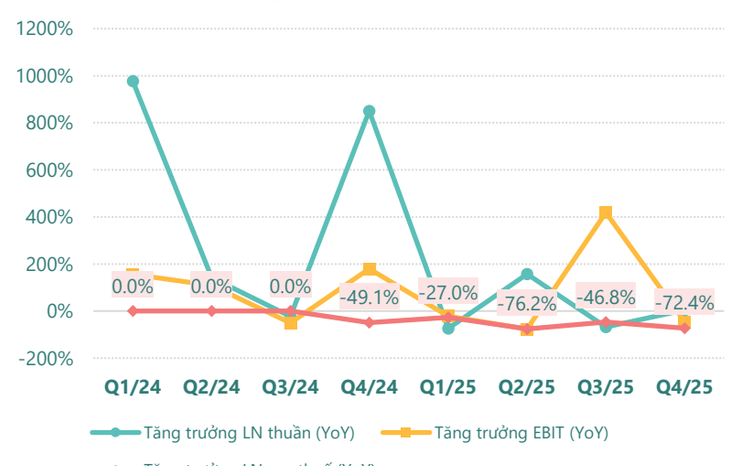
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



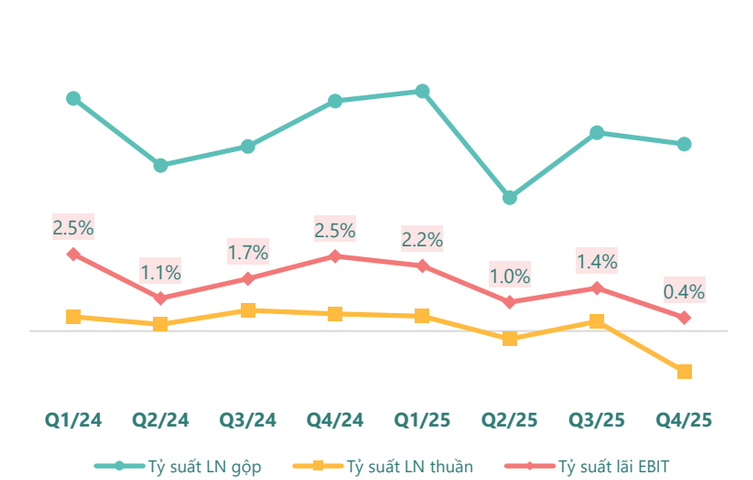
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



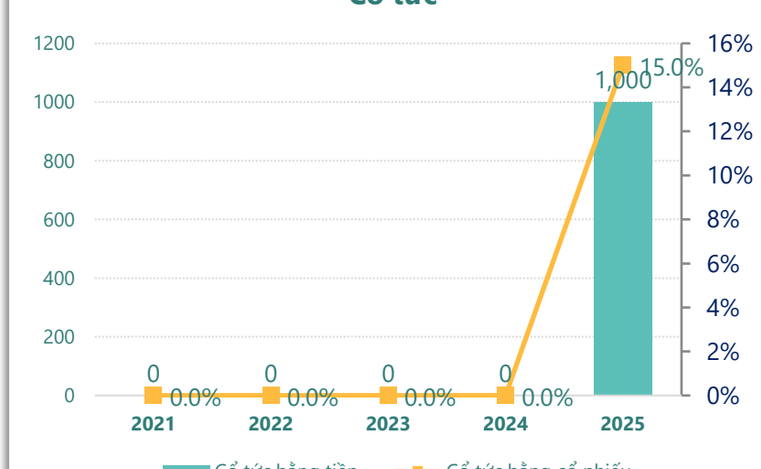
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

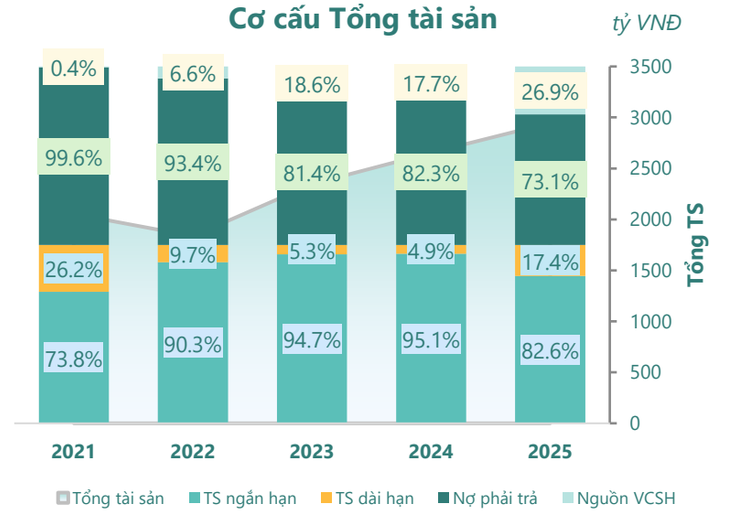
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

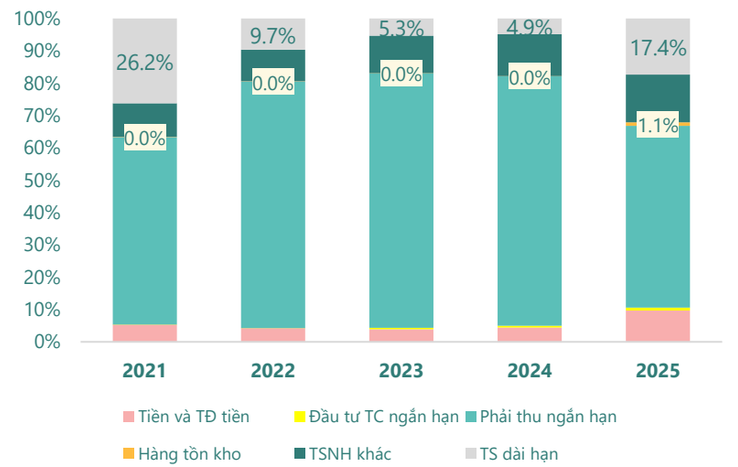
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



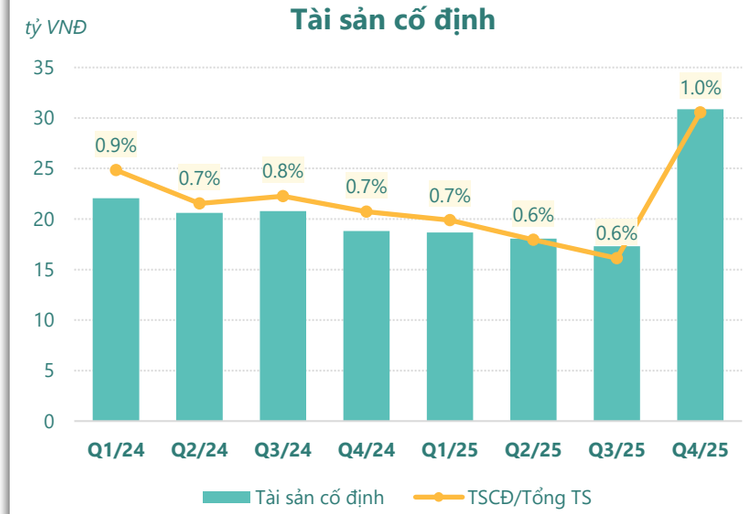
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



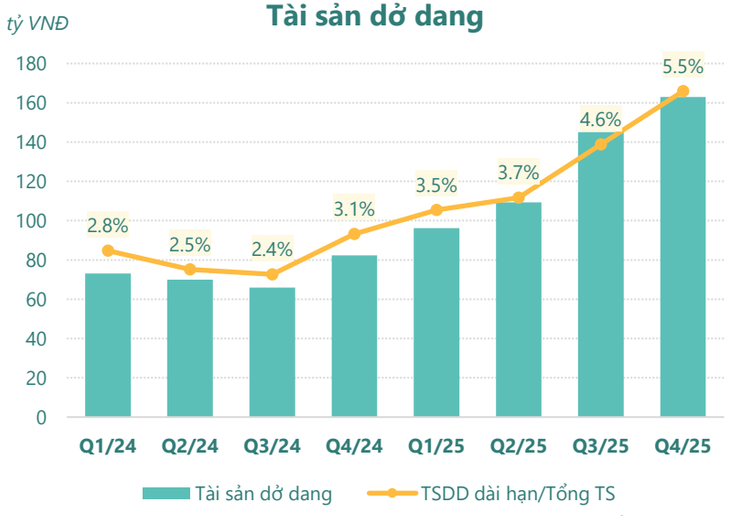
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



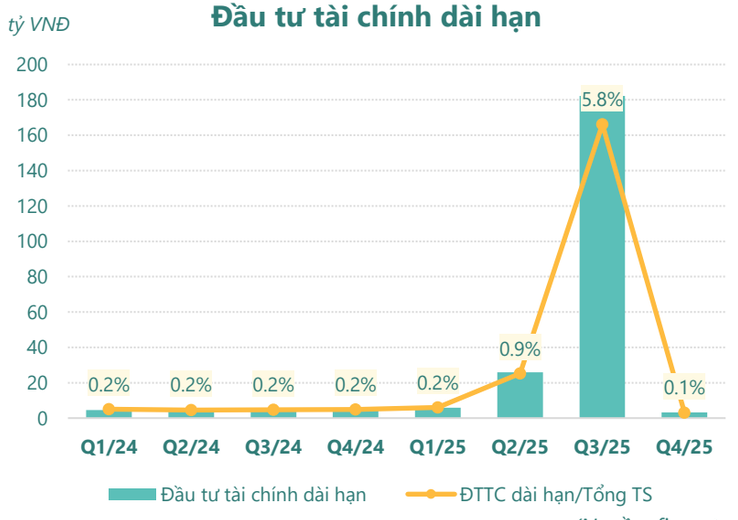
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



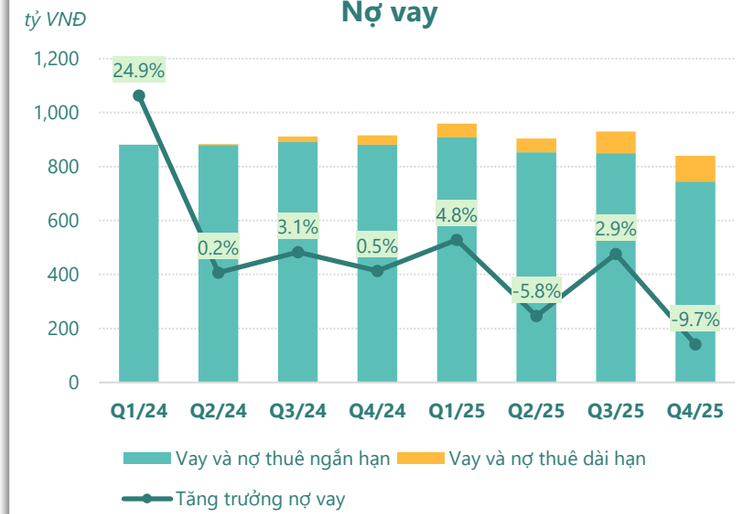
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

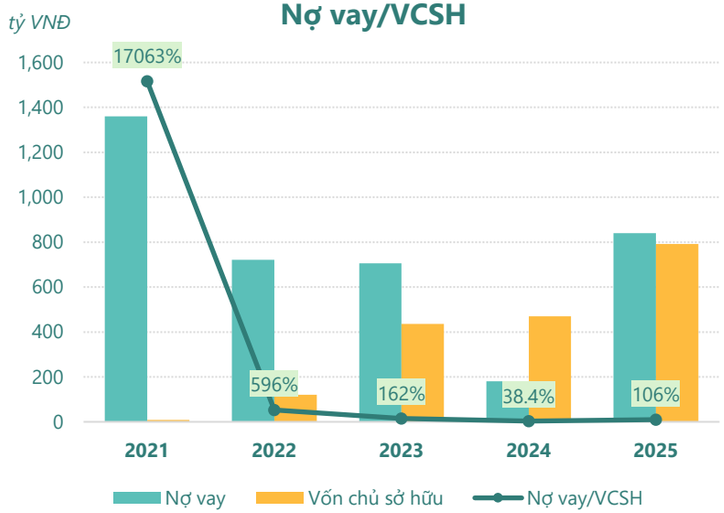
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



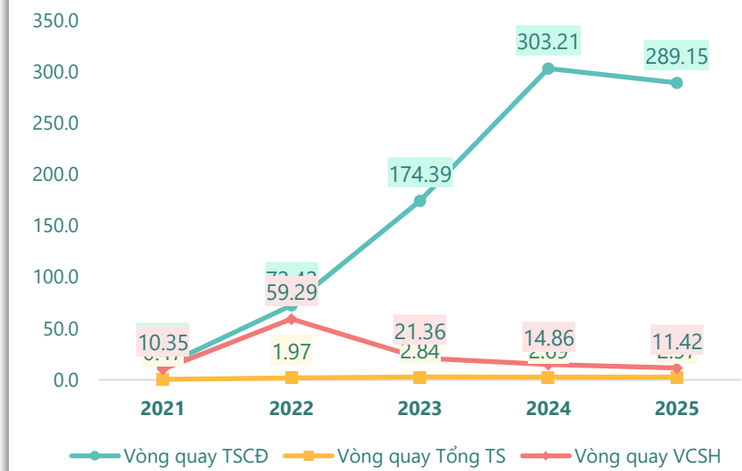
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



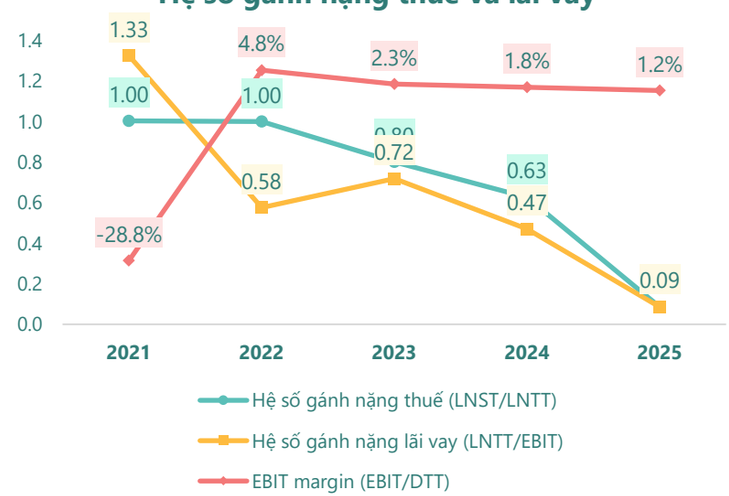
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



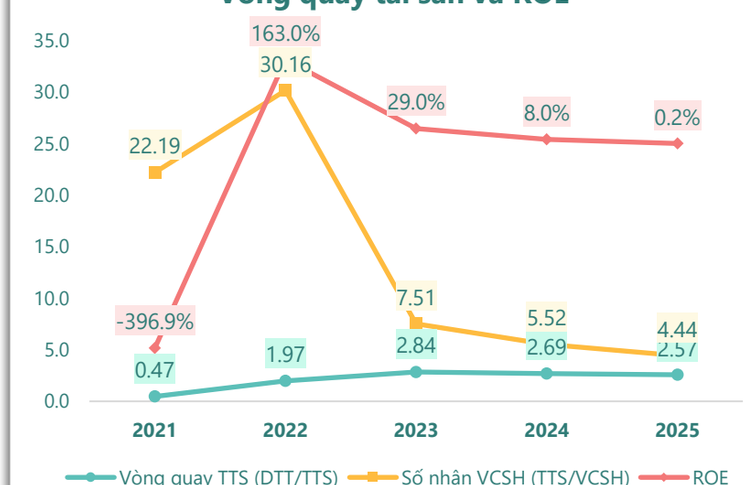
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



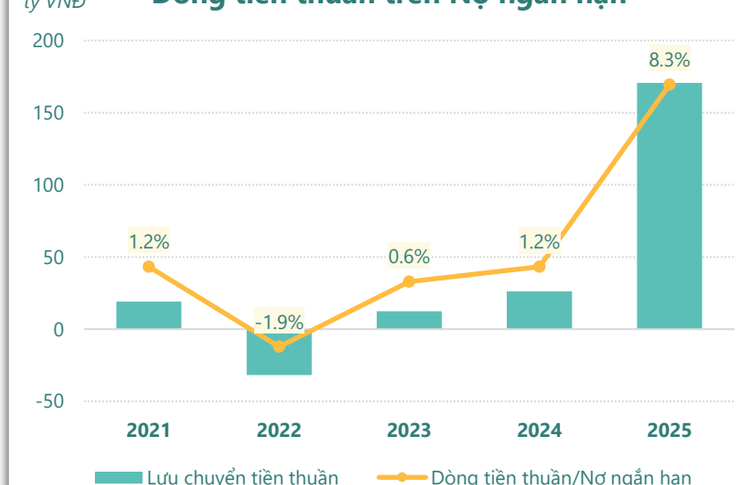
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,769**	**1,484**	**19.2%**	**7,207**	**6,735**	**7.0%**
Giá vốn hàng bán	1,659	1,371	21.0%	6,766	6,295	7.5%
Lợi nhuận gộp	109	113	-3.2%	440	439	0.2%
Doanh thu HĐTC	8.21	8.36	-1.8%	19.2	21.7	-11.8%
Chi phí TC	-94.4	21.8	-533%	-34.4	86.2	-140%
Chi phí lãi vay	16.7	15.3	9.2%	77.9	63.5	22.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	15.6	11.4	36.8%	56.9	50.3	13.2%
Chi phí QLDN	**220**	**79.6**	**176%**	**453**	**298**	**52.0%**
LN thuần từ HĐKD	-23.6	8.50	-377%	-15.8	26.9	-159%
Lợi nhuận khác	**14.8**	**13.0**	**13.9%**	**23.1**	**29.4**	**-21.5%**
LN trước thuế	-8.78	21.5	-141%	7.25	56.3	-87.1%
Lợi nhuận sau thuế	**-10.4**	**15.5**	**-167%**	**0.62**	**35.3**	**-98.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-10.7**	**15.7**	**-168%**	**1.28**	**36.1**	**-96.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-55.2	28.7	-157	-76.9	-232	39.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.44	-17.5	370	14.8	-43.5	-3.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	27.6	4.46	44.0	-91.3	391	-84.5
Tiền đầu kỳ	133	101	117	374	221	334
Lưu chuyển tiền thuần	**-31.1**	**15.6**	**257**	**-153**	**116**	**-48.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.85	0.75	0.23	0.68	-2.70	-0.48
Tiền cuối kỳ	101	117	374	221	334	285

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,947**	**2,652**	**11.1%**
Tài sản ngắn hạn	2,435	2,523	-3.5%
Tiền và tương đương tiền	285	117	144%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	27.9	15.7	77.9%
Phải thu ngắn hạn	1,655	2,048	-19.2%
Hàng tồn kho	33.4	0.22	15023%
Tài sản ngắn hạn khác	434	342	27.0%
Tài sản dài hạn	**512**	**130**	**295%**
Phải thu dài hạn	10.2	8.22	23.6%
Tài sản cố định	30.9	19.0	62.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	163	82.3	98.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.21	4.51	-28.9%
Tài sản dài hạn khác	**30.5**	**15.2**	**101%**
Lợi thế thương mại	274	0.48	56819%
Nợ phải trả	2,155	2,182	-1.2%
Nợ ngắn hạn	**2,059**	**2,148**	**-4.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	745	147	406%
Phải trả người bán ngắn hạn	731	693	5.5%
Nợ dài hạn	96.5	34.2	182%
Vay và nợ thuê dài hạn	95.4	33.1	188%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**792**	**470**	**68.5%**
Vốn chủ sở hữu	**792**	**470**	**68.5%**
Vốn điều lệ	665	292	127%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)